TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **512**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2018
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trầm**

2. Ông **Nguyễn Bền**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 413/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Đ,** sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Nhị B, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Nhị B, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN THẤY:

**** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 14/6/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Lê Thị Đ trình bày***:

Vào năm 2003, chị và anh Nguyễn Văn V sống chung như vợ chồng, cùng ở tại nhà cha mẹ ruột của anh V tại ấp T, xã Long Định, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2009 thì hai người đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhị B, huyện

CT, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau được 02 con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh năm 2003 và Nguyễn Tấn P, sinh năm 2005. Từ khi có con, hai vợ chồng P sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gỗ, cãi vả, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống; mặc dù cả hai đã nhiều lần ngồi lại với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể được, không thể hàn gắn tình cảm như ban đầu và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, bền vững không đạt được. Nay chị Đ xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Hoài N**, sinh ngày 14/11/2003 và **Nguyễn Tấn P**, sinh ngày 08/11/2005. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

**** Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn V có đơn xin vắng mặt; theo Tờ tự khai ngày 06/7/2018, bị đơn trình bày***:

Do quen biết, anh và chị Lê Thị Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, đến khoảng giữa năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh hay nhậu nhẹt, dẫn đến vợ chồng hay cự cãi.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Hoài N**, sinh ngày 14/11/2003 và **Nguyễn Tấn P**, sinh ngày 08/11/2005. Cháu N đang sống với Đ, cháu P đang sống với anh. Anh đồng ý giao hai con chung cho chị Đ nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay

Chị Đ vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với anh V.

Anh V vẫn vắng mặt.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của chị Đ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn V có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ tranh chấp: Vụ án có quan hệ tranh chấp "Ly hôn".

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn V xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được UBND xã Nhị B, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 02 ngày 30/7/2009.

Theo lời khai của các đương sự cung cấp trong quá trình tố tụng và trình bày của chị Đ tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy sau khi cưới vợ chồng chị Đ và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì P sinh mâu thuẫn; nguyên nhân theo chị Đ trình bày là vào năm 2012, anh V bị tai nạn giao thông chấn thương vùng đầu, sau thời gian điều trị anh V thay đổi tính tình, thường nhậu nhẹt, mỗi lần nhậu về là đánh đập chị gây thương tích. Cha mẹ chồng mặc dù sống chung nhà nhưng không can ngăn, mỗi lần chị phản ứng lại thì cha mẹ chồng lại bênh vực anh V. Chị đã bỏ nhà chồng về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ giữa năm 2013 cho đến nay. Theo anh V trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh hay nhậu nhẹt dẫn đến hai vợ chồng hay cự cãi.

Hội đồng xét xử xét thấy, đời sống vợ chồng giữa chị Đ và anh V không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị không tìm được cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh V. Anh V mặc dù có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng anh có văn bản thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị Đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Đ xin ly hôn với anh V là có cơ sở. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Hoài N**, sinh ngày 14/11/2003 và **Nguyễn Tấn P**, sinh ngày 08/11/2005. Cháu N đang sống với chị Đ, cháu P đang sống với anh V. Chị Đ và anh V thống nhất giao 02 con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của 02 con

chung là khi cha mẹ ly hôn 02 con chung muốn sống cùng chị Đ. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Đ

- **Về hôn nhân**: Chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

- **Về con chung**: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ và anh V về việc giao 02 con chung **Nguyễn Hoài N**, sinh ngày 14/11/2003 và **Nguyễn Tấn P**, sinh ngày 08/11/2005 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Đ chưa có yêu cầu.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

***2/* Về án phí**: Chị Đ phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008468 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Đ đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- UBND xã Nhị B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HUỲNH THỊ TRÚC MAI